

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Danh Út Nhỏ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.**

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị M - sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. Bi đơn: Ông Trần Văn L - sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP S. Người đại diện theo ủy quyền là ông Lạc Hoài Ph, sinh năm 1983 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố PH, thị trấn G, G, tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/11/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị M trình bày:** Tôi và ông L có quen biết, tìm hiểu nhau trước nên đến ngày 1995 chúng tôi được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã và chúng tôi không ly thân. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa,

vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có con 02 người chung tên Trần Thị L1 - sinh ngày 06/06/1997 và Trần Thị L2- sinh ngày 09/9/2002, hiện nay các con đã trưởng thành và tự làm nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng tôi có tổng diện tích là 9.631,5m<sup>2</sup>, nằm trong hai thửa 1675 và 1671 (trong đó: Thửa 1671 có diện tích là 4.442,4m<sup>2</sup> trên giấy CNQSD đất số BX 003045 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 13/02/2015 và 1675 có diện tích là 5.189,1m<sup>2</sup> trên giấy CNQSD đất số BX 003046 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 13/02/2015), cùng tọa lạc tại ấp 9, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Do đó, tôi và ông L đã tự thỏa thuận xong về tài sản chung là giao toàn bộ tài sản chung nêu trên cho ông L nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là 150.000.000 đồng nên tôi giao cho ông L có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Tôi xác định có con 02 người chung tên Trần Thị L1 - sinh ngày 06/06/1997 và Trần Thị L1 - sinh ngày 09/9/2002, hiện nay các con đã trưởng thành và tự làm nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định như trình bày trên nên tôi không yêu cầu gì.

**Tại bản tự khai đề ngày 04/12/2020 bị đơn ông Trần Văn L trình bày:** Tôi thống nhất với lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng năm kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như vợ tôi trình bày là đúng tôi không có ý kiến thêm. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu vợ tôi là Hồ Thị M.

Về con chung: Tôi xác định có 02 người chung tên Trần Thị L1 - sinh ngày 06/06/1997 và Trần Thị L2 - sinh ngày 09/9/2002, hiện nay các con đã trưởng thành và tự làm nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng tôi có tổng diện tích là 9.631,5m<sup>2</sup>, nằm trong hai thửa 1675 và 1671 (trong đó: Thửa 1671 có diện tích là 4.442,4m<sup>2</sup> trên giấy CNQSD đất số BX 003045 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 13/02/2015 và 1675 có diện tích là 5.189,1m<sup>2</sup> trên giấy CNQSD đất số BX 003046 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 13/02/2015), cùng tọa lạc tại ấp 9, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Do đó, tôi và bà M đã tự thỏa thuận xong về tài sản chung là bà M giao toàn bộ tài sản chung nêu trên cho tôi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là 150.000.000 đồng nên tôi tự nguyện có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này cho Ngân hàng và không yêu cầu vợ tôi bà M cùng chịu trách nhiệm trả với tôi.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Hồ Thị M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung như trình bày trên tôi không có kiến thêm gì.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần S và người đại diện theo ủy quyền là ông Lạc Hoài Ph trình bày:* Vào ngày 10/8/2020 vợ chồng bà M, ông L có vay của Ngân hàng TMCP S vay số tiền là 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202025569874 ngày 10/8/2020, mục đích vay là sản xuất nông nghiệp. Về lãi suất cũng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 202025569874 ngày 10/8/2020, ngày đến hạn trả nợ chậm nhất là ngày 10/8/2023. Hơn nữa, vợ chồng ông L bà M có thể chấp hai giấy CNQSD đất số BX 003045 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 13/02/2015 và giấy CNQSD đất số BX 003046 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 13/02/2015, tổng diện tích là 9.631,5m<sup>2</sup>, nằm trong hai thửa 1675 và 1671 (trong đó: Thửa 1671 có diện tích là 4.442,4m<sup>2</sup> trên giấy CNQSD đất số BX 003045 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 13/02/2015 và 1675 có diện tích là 5.189,1m<sup>2</sup> trên giấy CNQSD đất số BX 003046 được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 13/02/2015), cùng tọa lạc tại ấp 9, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, hiện nay vợ chồng bà M, ông L còn nợ số tiền vốn là 150.000.000.000 đồng và tiền lãi trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 202025569874 ngày 10/8/2020 nhưng hợp đồng này chưa đến hạn trả nợ.

Nay, vợ chồng bà M, ông L ly hôn thì Ngân hàng đồng ý thỏa thuận của vợ chồng bà M, ông L là ông L có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vốn là 150.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 202025569874 ngày 10/8/2020. Ngân hàng không yêu cầu bà M cùng chịu trách nhiệm trả nợ với ông L. Đồng thời, Ngân hàng không khởi kiện trong cùng vụ án này mà sẽ tự thỏa thuận với ông L, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện ông L thành vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:** Tranh chấp giữa bà Hồ Thị M và ông Trần Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Văn L và Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S ông Lạc Hoài Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông L và đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 228 của BLTTDS năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Hồ Thị M xác lập quan hệ hôn nhân với ông Trần Văn L vào năm 1995, có tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời

điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Hồ Thị M và ông Trần Văn L là vợ chồng.

**[3] Về con chung:** Bà Hồ Thị M và ông Trần Văn L xác định ông bà có 02 người con chung tên Trần Thị Liên - sinh ngày 06/06/1997 và Trần Thị Lệ - sinh ngày 09/9/2002, hiện nay các con đã trưởng thành và tự làm nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[4] Về tài sản chung:** Bà Hồ Thị M và ông Trần Văn L đã tự nguyện thỏa thuận xong là bà M giao toàn bộ tài sản chung cho ông L được toàn quyền sử dụng và định đoạt, bà không yêu cầu chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[5] Về nợ chung:** Bà Hồ Thị M và ông Trần Văn L xác định hiện nay ông bà có nợ Ngân hàng TMCP S số tiền vốn là 150.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 202025569874 ngày 10/8/2020.

Nay bà Hồ Thị M và ông Trần Văn L và đại diện của Ngân hàng TMCP S tự nguyện thỏa thuận với nhau là ông L có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung cho Ngân hàng; bà M không có liên quan gì đối với số nợ này. Đồng thời, Ngân hàng TMCP S không khởi kiện trong cùng vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện ông L thành vụ án khác nên HĐXX không xem xét.

**[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là:** 300.000 đồng bà Hồ Thị M phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009568 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Hồ Thị M và ông Trần Văn L vợ chồng.

- Về con chung: HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng bà Hồ Thị M phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009568 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 24/12/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoài Thanh**